

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:52/2022/HS-PT
Ngày: 08-7- 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sơn.

Các Thẩm phán:

Ông Đào Chí Keo

Bà Trần Thị Thúy Hà

- Thư ký phiên tòa:Bà Phạm Thị Mộng Linh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Năng - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số:95/2022/HSPT-HS ngày 06 tháng 5 năm 2022 đối với Bị cáo Ngô Thanh T; do có kháng cáo của Bị cáo T đối với Bản án hình sự sơ thẩm số:10/2022/HS-ST ngày 07 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện TS, tỉnh An Giang.

Bị cáo T có kháng cáo:

Ngô Thanh T, sinh năm 1988. Nơi cư trú: Ấp B, thị trấn BC, huyện TT, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Nguyên Phó Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự xã LT, huyện TT, tỉnh An Giang; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Văn T1, sinh năm 1967 và bà Trần Thị T2, sinh năm 1968; anh chị em ruột có bốn người, Bị cáo T là người thứ nhất; Vợ là Trần Thị L, sinh năm 1988; Con Ngô Trần Minh H, sinh năm 2018;

Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo T tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

1/ Ông Đào Văn D, sinh năm 1963; nơi cư trú: Ấp H, xã ĐT, huyện TS, tỉnh An Giang; (có mặt).

2/ Anh Hồng Trường S, sinh năm 1984; nơi cư trú: Ấp TC, xã SS, huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang; (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Văn Th, sinh năm 1945; nơi cư trú: Ấp HT, xã ĐT, huyện TS, tỉnh An Giang (có mặt).

Người làm chứng:

1/Anh Trần Văn L, sinh năm 1982; (vắng mặt).

2/Anh Trần Phú H, sinh năm 1986; (vắng mặt).

3/Chị Trần Thị L, sinh năm 1988; (có mặt).

4/Chị Trần Thị Hồng C, sinh năm 1982; (có mặt).

5/ Bà Huỳnh Thị H, sinh năm 1950; (có mặt).

(Trong vụ án này, Bị cáo T kháng cáo; bị hại không kháng cáo; Viện kiểm sát không kháng nghị).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có mâu thuẫn từ trước trong việc tranh chấp ranh đất giữa gia đình ông Trần Văn Th và gia đình ông Đào Văn D, đang được Tòa án nhân dân huyện TS thụ lý giải quyết. Khoảng 08 giờ ngày 01/04/2021, Đào Văn D, Hồng Trường S (cháu rể của D) dùng búa đập bức tường ranh đất giữa hai nhà tại ấp HT, xã ĐT, huyện TS thì xảy ra cự cãi nhau với Huỳnh Thị H vợ Th; đến khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày, khi đã uống rượu D và S tiếp tục dùng búa đập bức tường thì Huỳnh Thị H dùng gạch ống ném về hướng D; nên S từ trong nhà D chạy ra dùng gạch ống ném trả vào nhà H làm vỡ kính tủ đựng quần áo. Lúc này, Ngô Thanh T (con rể của H) từ nhà sau nghe thấy chạy ra cầm gạch ống ném lại S, D, nhưng không trúng. Bị ném D, S chạy sang nhà của H đập phá cửa rào thì Tùng lấy khúc gỗ vuông cầm tay phải và cây dao bằng kim loại, dài 120cm, loại đầu quéo lại, mũi dao bằng, cán dao tròn màu trắng, cầm tay trái đuổi S chạy vào nhà Trần Văn L, T dùng khúc gỗ đánh vào vai trái S một cái làm gãy cây, T tiếp tục cầm dao tay trái chém một nhát, S dùng hai tay chụp dao, chống đỡ T dùng hai tay ghì nhấn lưỡi dao xuống làm S té ngã ra sau và lưỡi dao trúng vào mặt, đầu S gây thương tích. Thấy đánh nhau anh L vào can ngăn thì T cầm dao đi về, khi ra đến cổng rào nhà L, Tùng gặp D cầm cây dao, loại dao quéo nên cả hai xông vào chém nhau, lưỡi dao cả hai chạm vào nhau, Tùng không bị thương còn D bị lưỡi dao của Tùng trúng vào lỗ tai, vùng mặt bên trái làm D bất tỉnh. Sau đó, Tùng đến Công an xã ĐT đầu thú. Riêng D và S được mọi người đưa đến Trung tâm y tế huyện TS cấp cứu rồi chuyển đến Bệnh viện đa khoa trung tâm An Giang điều trị đến ngày 06/4/2021, ra viện.

Vật chứng thu giữ: 01 cây dao quéo dài 120cm, cán tròn bằng kim loại, đầu quéo lại; 01 cây dao quéo dài 110cm, cán tròn bằng kim loại, đầu quéo lại; 01 khúc gỗ vuông màu đỏ đen, kích thước 4,5 x 3,5 x 2,6 cm; 01 thanh gỗ màu đỏ đen, kích thước 22 x 2,8 x 1,8 cm.

Ngày 18/6/2021, D, S có đơn yêu cầu xử lý hình sự đối với Ngô Thanh T.

Ngày 28/6/2021, Tùng bị khởi tố, điều tra.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 173/21/TgT, số 174/21/TgT ngày 16/4/2021 của Trung tâm pháp y tỉnh An Giang, ghi nhận:

- Đào Văn D, sinh năm 1963

Dấu hiệu chính qua giám định: Sẹo má trái, kích thước 02 x 0.1 cm, thẳng, sắc gọn. Gãy cung gò má trái, điều trị bảo tồn: 11%; Sẹo vành tai trái hình vòng cung, kích thước 3.5 x 0.1 cm, bờ sắc gọn: 01%; Sẹo mờ mu bàn tay trái, kích thước 0.8 x 0.1 cm, đứng dọc, thẳng: 0.5%.

Tỷ lệ tổn thương cơ thể do tất cả thương tích gây nên hiện tại là 12%.

Thương tích do vật sắc gây nên.

- Hồng Trường S, sinh năm 1984

Dấu hiệu chính qua giám định: Sẹo giữa đỉnh hình vòng cung, kích thước 8.2 x 0.2 cm, bờ sắc gọn: 02%, thương tích do vật sắc gây nên. Sẹo má trái hơi xiên, kích thước 4.7 x 0.1 cm, bờ sắc gọn: 06%, thương tích do vật sắc gây nên. Sẹo sát dạng thẳng vai trái, kích thước 02 x 0.2cm: 0,5%, thương tích do vật sắc gây nên. Bầm vai phải không tồn tại thương tích: 00%, thương tích do vật tày gây nên.

Tỷ lệ tổn thương cơ thể do tất cả thương tích gây nên hiện tại là 08%.

Kết luận định giá tài sản số 92/KL-HĐĐGTS ngày 08/9/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện TS, xác định: 01 (một) tấm kính màu trắng, loại 4 ly, kích thước 158 x 42 cm, trị giá 150.000 đồng.

Ngày 20/5/2021, Ban chỉ huy quân sự huyện TT, tỉnh An Giang có Công văn số 1023/BCH-CT, xác định: Ngày 01/4/2021, đồng chí Ngô Thanh T không phải là *“Quân nhân tại ngũ, công chức, công nhân, viên chức quốc phòng, quân nhân dự bị trong thời gian tập trung huấn luyện tập trung huấn luyện hoặc kiểm tra tình trạng sẵn sàng chiến đấu; dân quân, tự vệ trong thời gian tập trung huấn luyện hoặc phối thuộc với Quân đội nhân dân trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu; công dân được điều động, trưng tập hoặc hợp đồng vào phục vụ trong Quân đội nhân dân”*.

Tại Bản cáo trạng số 64/CT-VKSTS ngày 27/10/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện TS, tỉnh An Giang đã truy tố Bị cáo T Ngô Thanh T về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 10/2021/HS-ST ngày 07 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện TS, tỉnh An Giang đã quyết định:

Tuyên bố Bị cáo Ngô Thanh T phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Xử phạt Bị cáo Ngô Thanh T 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày Bị cáo T chấp hành án.

Áp dụng Điều 584, Điều 585, Điều 590 Bộ luật dân sự:

- Buộc Bị cáo Ngô Thanh T có trách nhiệm bồi thường cho bị hại Đào Văn D tổng số tiền: 24.782.100 đồng;

- Buộc Bị cáo Ngô Thanh T có trách nhiệm bồi thường cho bị hại Hồng Trường S tổng số tiền: 18.240.000 đồng; (Do Bị cáo T bồi thường trước cho ông Hồng Trường S số tiền 2.000.000 đồng, nên số tiền còn lại Bị cáo T có trách nhiệm bồi thường là 16.240.000 đồng).

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Tuyên bố tịch thu tiêu hủy: 01 cây dao quéo dài 120cm, cán tròn bằng kim loại, đầu quéo lại; 01 cây dao quéo dài 110cm, cán tròn bằng kim loại, đầu quéo lại; 01 khúc gỗ vuông màu đỏ đen, kích thước 4,5 x 3,5 x 2,6 cm; 01 thanh gỗ màu đỏ đen, kích thước 22 x 2,8 x 1,8 cm;

Tiếp tục duy trì số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) để đảm bảo cho thi hành án phân trách nhiệm dân sự của Bị cáo Ngô Thanh T.

(Các vật chứng này hiện do Chi cục Thi hành án dân sự huyện TS quản lý theo Quyết định chuyển vật chứng số 53/QĐ -VKSTS, ngày 27/10/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện TS).

Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/ 12/ 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Buộc Bị cáo Ngô Thanh T chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 2.151.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về quyền kháng cáo của Bị cáo T, người bị hại; trách nhiệm thi hành án dân sự theo luật định pháp luật;

Ngày 15/3/2022, Bị cáo Ngô Thanh T cho rằng bị hại nhiều lần đập phá, khiêu khích, xúc phạm danh dự, đe dọa giết Bị cáo T; gia đình nhiều lần báo chính quyền địa phương, nhưng không mời xử lý; do bức xúc nên Bị cáo T mới vi phạm pháp luật; con còn nhỏ, cha mẹ vợ trên 70 tuổi; xin xem xét giảm nhẹ hình phạt, cho hưởng án treo

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Bị cáo T giữ nguyên nội dung kháng cáo, xin giảm nhẹ hình phạt và cho được hưởng án treo; thừa nhận thương tích của các bị hại do chính Bị cáo T gây ra, do bị kích động tinh thần do bị hại có hành vi đập phá bức tường, hăm dọa Bị cáo T;

Bị hại D và S xác định có việc đập bức từng trước; sau đó xảy ra đánh nhau gây thương tích; xác định không có kháng cáo;

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa phát biểu quan điểm về vụ án và đề xuất với Hội đồng xét xử:

Về thủ tục kháng cáo: Bị cáo T đơn kháng cáo hợp lệ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm;

Về nội dung kháng cáo của bị cáo T: Quá trình điều tra, lời khai của Bị cáo T, bị hại, người làm chứng nó phù hợp với các tình tiết trong hồ sơ vụ án; thấy có đầy đủ căn cứ xác định: Do gia đình bên vợ có mâu thuẫn với ông Đào Văn D trong việc tranh chấp đất đai, nên vào ngày 01/4/2021, Bị cáo T đã dùng dao, loại dao quéo dài 120cm, là hung khí nguy hiểm chém gây thương tích cho ông Đào Văn D với tỷ lệ tổn thương cơ thể 12%, ông Hồng Trường S tỷ lệ tổn thương cơ thể là 8%. Hành vi nêu trên của Bị cáo T đã phạm vào tội “Cố ý gây thương tích”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ;

Cấp sơ thẩm đã có xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nên xử Bị cáo T mức án 02 năm tù là tương xứng và phù hợp pháp luật; Bị cáo T phạm tội do một phần lỗi của bị hại, Bị cáo T phạm tội trong tình trạng tinh thần bị kích động do hành vi trái pháp luật của bị hại gây ra; ở giai đoạn phúc thẩm Bị cáo T đã có khắc phục thêm toàn bộ số tiền bồi thường cho các bị hại; do đó có xem xét thêm tình tiết giảm cho Bị cáo T điểm e khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự;

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357, Điều 135 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; căn cứ điểm b, s,e khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 và khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của Bị cáo T Tùng; giảm cho Bị cáo T Tùng từ 03 đến 06 tháng tù; về tiền án phí dân sự sơ thẩm cấp sơ thẩm tính chưa chính xác theo Nghị Quyết 326 về án phí, lệ phí; cần điều chỉnh cho phù hợp pháp luật; các phần quyết định còn lại của bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật, kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị;

Lời nói sau cùng Bị cáo T hoàn cảnh gia đình có khó khăn, con còn nhỏ, xin Hội đồng xét xử cho Bị cáo T được giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo;

Đề nghị của Viện kiểm sát, lời nói sau cùng của Bị cáo T sẽ được Hội đồng xét xử ghi nhận, xem xét và thảo luận tại phòng nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Thủ tục kháng cáo của Bị cáo T trong thời hạn luật định, được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận để giải quyết theo trình tự phúc thẩm;

[2] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt người làm chứng; tuy nhiên, đã có lời khai tại Cơ quan điều tra; việc vắng mặt không ảnh hưởng đến việc xét xử; xét thấy cần thiết Hội đồng xét xử sẽ công bố lời khai của người liên quan, người làm chứng tại phiên tòa; căn cứ vào Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự xét xử vắng mặt theo thủ tục chung;

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của Bị cáo T về việc xin giảm nhẹ hình phạt và

được hưởng án treo, Hội đồng xét xử nhận thấy;

[3.1] Tại phiên tòa phúc thẩm, Bị cáo T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình; lời khai của Bị cáo T phù hợp lời khai trong quá trình điều tra vụ án, phù hợp lời trình bày của bị hại, người làm chứng, phù hợp với vật chứng thu giữ; biên bản khám nghiệm hiện trường; Kết luận Giám định pháp y đối với thương tích của bị hại và phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ;

[3.2] Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội; chỉ vì mâu thuẫn giữa các bên tranh chấp quyền sử dụng đất đã được Tòa án thụ lý dân sự đang chờ giải quyết; đáng lý khi bị hại nhiều lần kiểm chuyện, khiêu khích thì Bị cáo T phải báo chính quyền địa phương chờ xử lý; nhưng do bản tính nóng nảy, thiếu kiềm chế mà Bị cáo T đã dùng dao loại dao quéo, bằng sắt dài 120cm là hung khí nguy hiểm gây thương tích cho bị hại Đào Văn D với tỷ lệ tổn thương cơ thể 12%, ông Hồng Trường S tỷ lệ tổn thương cơ thể là 8%;

[3.3] Tính mạng con người cùng sức khỏe là vốn quý của con người; vì vậy được pháp luật luôn bảo vệ, hành vi của Bị cáo T trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe của người khác, gây mất an ninh trật tự địa phương, ảnh hưởng xấu đến đời sống xã hội; Bị cáo T có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, biết rõ dùng hung khí nguy hiểm gây thương tích đến sức khỏe, tính mạng; gây mất an ninh, trật tự tại địa phương; nhưng Bị cáo T vẫn thực hiện, nên cần xử phạt mức án nghiêm mới đủ tác dụng giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Cấp sơ thẩm căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự là thỏa mãn dấu hiệu bắt buộc của tội “Cố ý gây thương tích” và xử phạt Bị cáo T 02 năm tù là dưới mức thấp nhất của khung hình phạt, đã có xem xét hết các tình tiết giảm nhẹ chi Bị cáo T như: Bị cáo T tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả; Bị cáo T thành khẩn khai cáo, ăn năn hối cải; sau khi gây án Bị cáo T đến Công an đầu thú được quy định tại các điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự sửa đổi bổ sung năm 2017; để xét xử Bị cáo T mức hình phạt 02 tù là đã có xem xét hết các tình tiết giảm nhẹ và có sự khoan hồng cho Bị cáo T;

[5] Tuy nhiên, ở giai đoạn phúc thẩm Bị cáo T cung cấp các chứng cứ tài liệu Video clip và lời khai của bị hại D, S cho thấy, bị hại có phần lỗi trước chủ động qua bên phần đất đang tranh chấp giữa hai bên, sát ranh đất nhà của bên vợ Bị cáo T; để đập bức tường xây bằng gạch; khi cự cãi với nhau, rồi ném đá vào bên trong nhà bên vợ Bị cáo T làm bể kính tủ đựng quần áo; lúc này Bị cáo T đang ở bên trong nhà, làm cho Bị cáo T bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của bị hại gây ra, đây được xem là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm e khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, mà cấp sơ thẩm chưa xem xét cho Bị cáo T; giai đoạn phúc thẩm, Bị cáo T tiếp tục khắc phục thêm 23.022.100 đồng tiền bồi thường cho các bị hại, thể hiện sự ăn năn hối cải, mong muốn bồi hoàn cho bị hại; tính đến ngày xét xử phúc thẩm Bị cáo T đã khắc phục toàn bộ số tiền bồi thường cho các bị hại 43.022.100đ;

Do đó, Hội đồng xét xử có xem xét thêm cho Bị cáo T tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm e khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; Hội đồng xét xử chấp nhận

một phần kháng cáo của Bị cáo T Tùng giảm cho Bị cáo T 06 tháng tù, cũng đủ giáo dục Bị cáo T, sớm trở về gia đình hòa nhập cộng đồng giúp ích cho gia đình và xã hội;

[6] Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho bị hại, Bị cáo T và Viện kiểm sát không kháng cáo, kháng nghị phần này; Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, cần giữ y;

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: trước khi mở phiên tòa sơ thẩm, Bị cáo T nộp khắc phục hậu quả tại cơ quan điều tra số tiền 20.000.000đ và đưa trước cho bị hại Hồng Trường S số tiền 2.000.000đ; tổng cộng Bị cáo T đã nộp tiền khắc phục trước là **22.000.000đ**; nhưng khi xét xử, cấp sơ thẩm tính tiền án phí dân sự sơ thẩm trên tổng số tiền Bị cáo T bồi thường cho các bị hại ($43.022.100đ \times 5\% = 2.151.000đ$), là không đúng theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Trong trường hợp này, cấp sơ thẩm phải trừ số tiền Bị cáo T nộp khắc phục trước khi mở phiên tòa sơ thẩm là 22.000.000đ; số tiền phải chịu còn lại (**$21.022.100đ \times 5\% = 1.051.105đ$**). Xét thấy, sơ thẩm tính tiền án phí dân sự sơ thẩm chưa chính xác; ảnh hưởng đến quyền lợi của Bị cáo T, Hội đồng xét xử cần thiết sửa phần tiền án phí dân sự sơ thẩm cho đúng pháp luật;

[8] Quan điểm của Viện kiểm sát về giảm hình phạt cho Bị cáo T và điều chỉnh lại tiền án phí dân sự sơ thẩm là đồng quan điểm với Hội đồng xét xử được chấp nhận.

Các phần quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[9] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận một phần, nên Bị cáo T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357, Điều 135 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Bị cáo Ngô Thanh T về việc xin giảm nhẹ hình phạt;

Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 10/2022/HS-ST ngày 07 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện TS, tỉnh An Giang;

Tuyên bố Bị cáo: Ngô Thanh T phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134, điểm b, s, e khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[1] Xử phạt Bị cáo Ngô Thanh T: 01 (một) năm 06 tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày Bị cáo T chấp hành án.

Áp dụng Điều 584, Điều 585, Điều 590 Bộ luật dân sự:

[2] Buộc Bị cáo Ngô Thanh T có trách nhiệm bồi thường cho bị hại Đào Văn D tổng số tiền: **24.782.100 đồng**;

[3] Buộc Bị cáo Ngô Thanh T có trách nhiệm bồi thường cho bị hại Hồng Trường S tổng số tiền: **18.240.000 đồng**; (Do Bị cáo T bồi thường trước cho ông Hồng Trường S số tiền 2.000.000 đồng, nên số tiền còn lại Bị cáo T có trách nhiệm bồi thường là **16.240.000 đồng**).

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[4] Tuyên bố tịch thu tiêu hủy: 01 cây dao quéo dài 120cm, cán tròn bằng kim loại, đầu quéo lại; 01 cây dao quéo dài 110cm, cán tròn bằng kim loại, đầu quéo lại; 01 khúc gỗ vuông màu đỏ đen, kích thước 4,5 x 3,5 x 2,6 cm; 01 thanh gỗ màu đỏ đen, kích thước 22 x 2,8 x 1,8 cm;

[5] Tiếp tục duy trì số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) của Bị cáo Ngô Thanh T nộp ở Cơ quan điều tra Công an huyện TS và số tiền 23.022.100 đồng theo biên lai thu số 0003561 ngày 22/6/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện TS để đảm bảo cho việc thi hành án;

(Các vật chứng này hiện do Chi cục Thi hành án dân sự huyện TS quản lý theo Quyết định chuyển vật chứng số 53/QĐ -VKSTS, ngày 27/10/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện TS).

Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/ 12/ 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[6] Án phí sơ thẩm: Bị cáo Ngô Thanh T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.051.105 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo T không phải chịu;

[8] Các phần quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 10/2021/HS-ST ngày 07 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện TS, tỉnh An Giang không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao (1);

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

- VKSND tỉnh An Giang (2);
- TAND huyện TS (2);
- Công an huyện TS (1);
- Cục THADS tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS huyện TS (1);
- Bị cáo T (1);
- Đại diện bị hại (1);
- Phòng KTNV và THA (1);
- PV 06 (1);
- Sở Tư pháp (1);
- Văn phòng (2);
- Lưu Tòa, HS.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Sơn